ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG *Mẫu biểu số 75*
MÃ QHNS: 1134361

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG (THÁNG 1- THÁNG 9) NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chgi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTT ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng Công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 9 tháng (Từ tháng 1 đến tháng 9) năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	-			
I	**Số thu phí, lệ phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
III	**Số phí, lệ, phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**256,578,122,361**	**184,982,083,354**	**72.1**	**263.74**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**256,578,122,361**	**184,982,083,354**	**72.1**	**263.74**
1	**Chi quản lý hành chính**	**82,834,121,361**	**52,686,215,611**	**63.6**	**102.18**
a	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	30,910,136,961	22,209,547,130	**71.9**	**128.40**
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	51,923,984,400	30,476,668,481	**58.7**	**88.95**
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	-	-		
a	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
b	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
c	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**12,960,129,000**	**-**		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12,960,129,000			
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**104,685,470,000**	**86,584,211,064**	**82.71**	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	104,685,470,000	86,584,211,064	**82.71**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**47,860,000,000**	**40,596,429,679**	**84.82**	**263.95**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	47,860,000,000	40,596,429,679	**84.82**	**263.95**
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**8,238,402,000**	**5,115,227,000**	**62.09**	**160.06**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8,238,402,000	5,115,227,000	**62.09**	**160.06**
...					
II	**Nguồn vốn viện trợ**				

Hải phòng, ngày 06 tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Sái Thị Yến